

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN T – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Nguyễn K, Sinh năm: 1984, trú tại: Tổ 105 phường N, quận Sơn T, thành phố Đ.

Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm: 1989, trú tại: Tổ 105 phường N, quận Sơn T, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N kết hôn vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận Sơn T, thành phố Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 22 cấp ngày 28/02/2011. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải Ông Nguyễn K trình bày ý kiến: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

Nay ông K xác định không còn yêu thương Bà Lê Thị Hồng N nữa nên ông K yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông với Bà Lê Thị Hồng N.

- Ý kiến của Bà Lê Thị Hồng N: Bà N thống nhất như lời trình bày của ông K về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả. Nay bà N xác định không còn yêu thương ông K nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà với ông K.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông K và bà N lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông K và bà N đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông K và bà N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông K và bà N là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N xác định có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Q – sinh ngày 10.02.2013; Nguyễn K Nguyễn Lê L N – sinh ngày 06.7.2011. Ly hôn, ông K và Bà Lê Thị Hồng N thỏa thuận, thống nhất giao 02 con chung là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Lê L N cho Bà Lê Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông K có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) cho hai con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 01.12.2018. Xét yêu cầu về việc nuôi con chung của Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N thì thấy phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009128 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn T, thành phố Đ.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 09 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N (*Do công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N nên Giấy chứng nhận kết hôn số 22 do Ủy ban nhân dân phường N, quận Sơn T, thành phố Đ cấp ngày 28/02/2011 không còn giá trị pháp lý*).

- Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N xác định có 02 con chung tên là: Nguyễn Văn Q – sinh ngày 10.02.2013; Nguyễn Lê L N – sinh ngày 06.7.2011. Ly hôn, ông K và Bà Lê Thị Hồng N thỏa thuận, thống nhất giao 02 con chung là Nguyễn Văn Q và Nguyễn Lê L N cho Bà Lê Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông K có trách nhiệm cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (*một hai triệu đồng*) cho hai con chung. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu kể từ ngày 01.12.2018.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung;

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N xác định vợ chồng không có nợ chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng Ông Nguyễn K và Bà Lê Thị Hồng N thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 009128 ngày 01/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn T, thành phố Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn T;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG

